



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cơ khí Lắp máy Lilama

Ngày 30/09/2025	3,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	35.7%	-

DT thuần Q3/25
12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.49 40.7%

LN thuần Q3/25
-0.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.06 -43.3%

LN sau thuế Q3/25
-0.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.21 -160%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-2.8%
YoY: +/- ▼ 1.2%

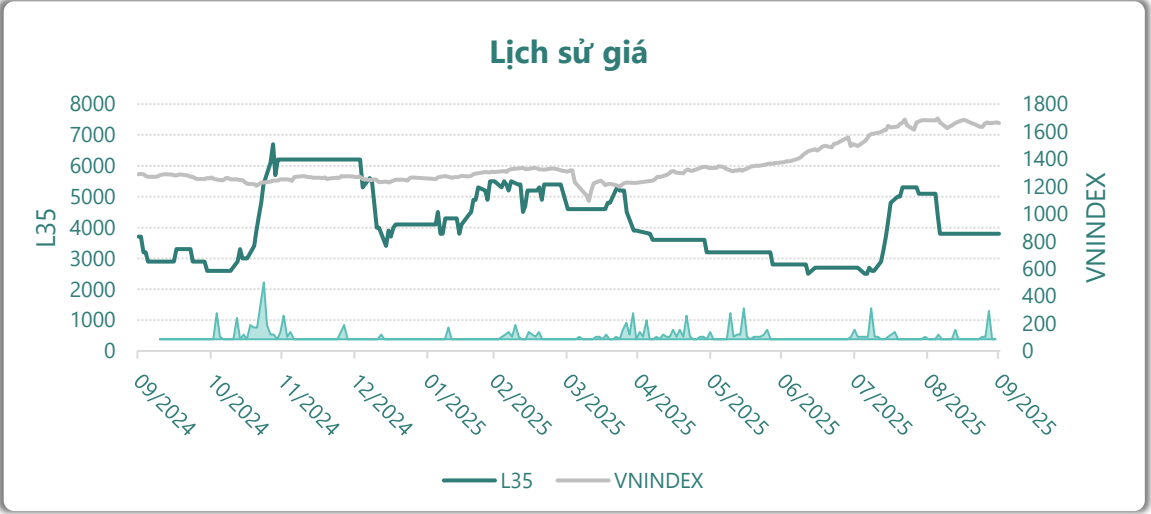
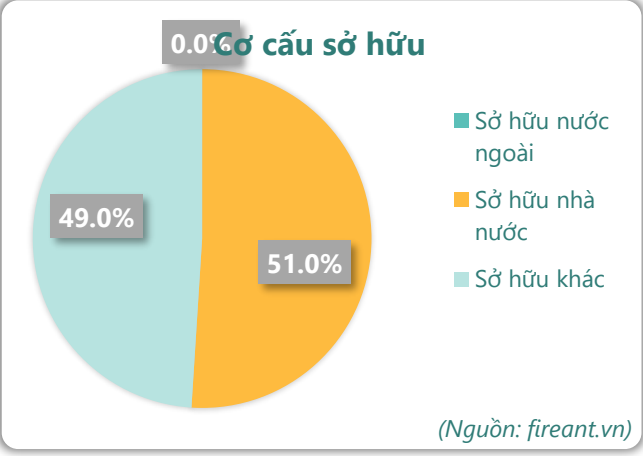
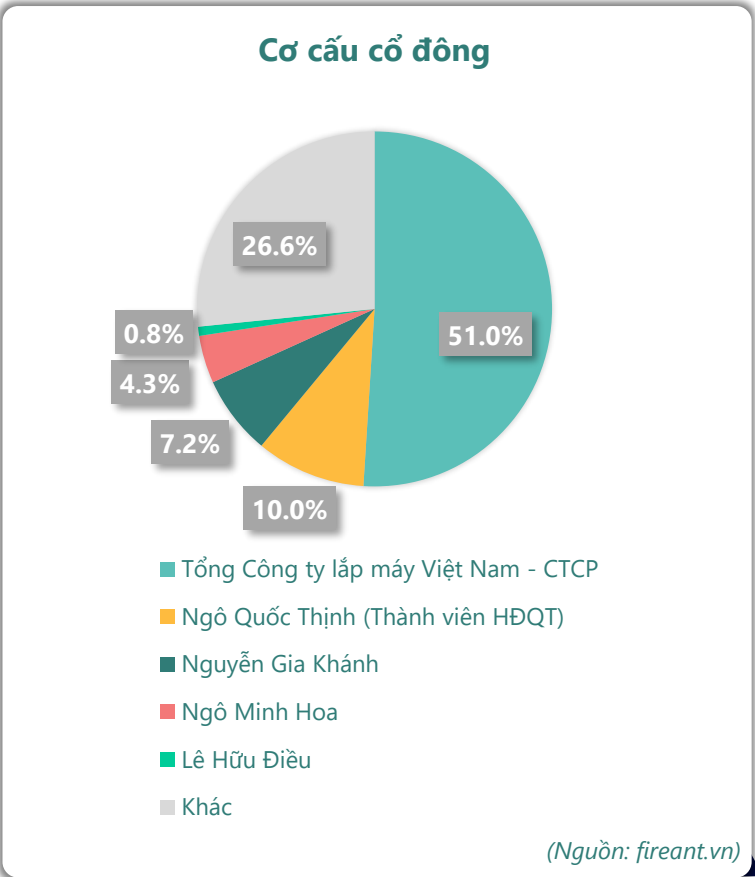
ROE (TTM) Q3/25

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,500 - 6,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12
Số lượng CPLH (CP)	3,265,155
KLGD BQ 20 phiên (CP)	60
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.09)
EPS	-287
P/E	-13.2

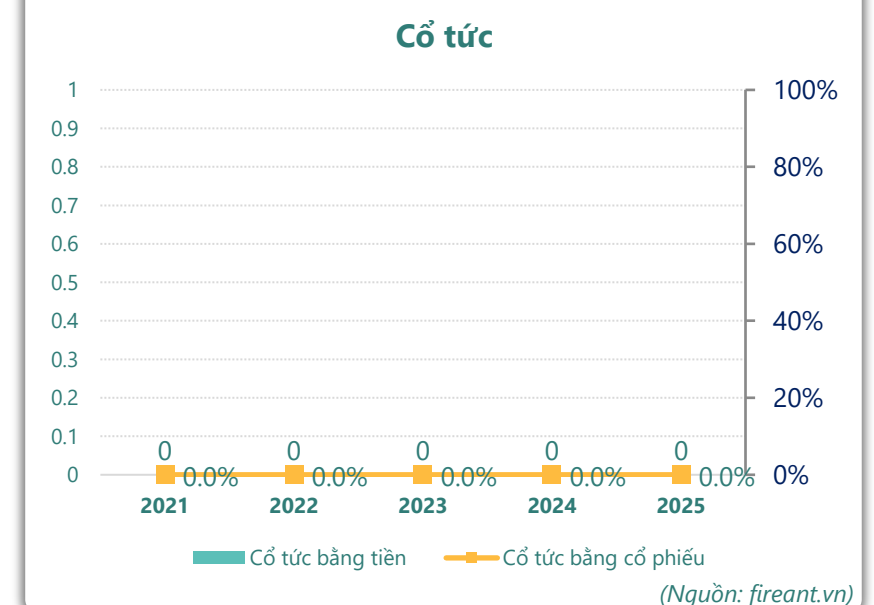
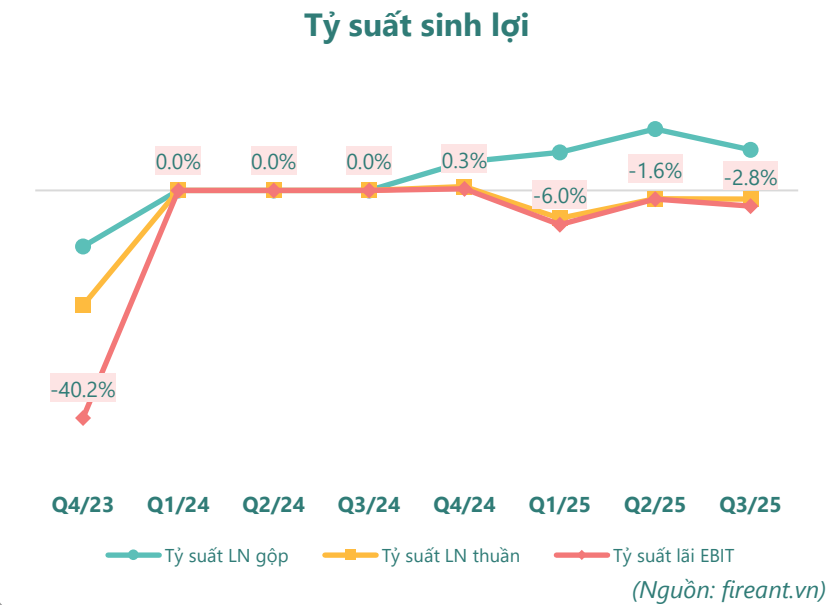
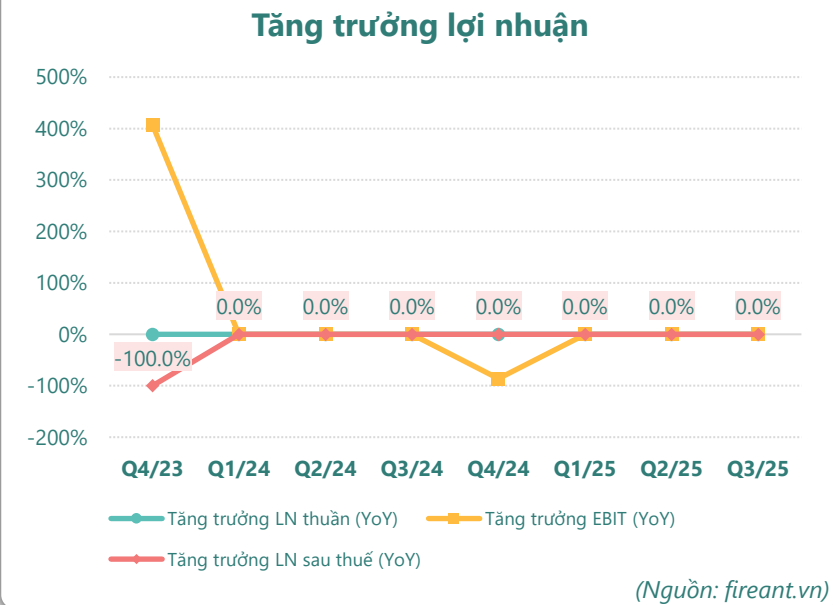
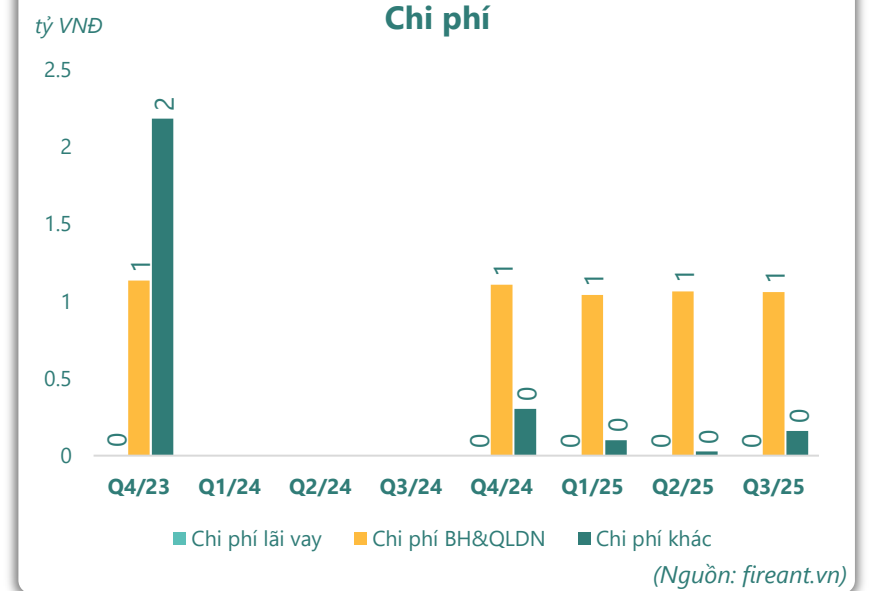
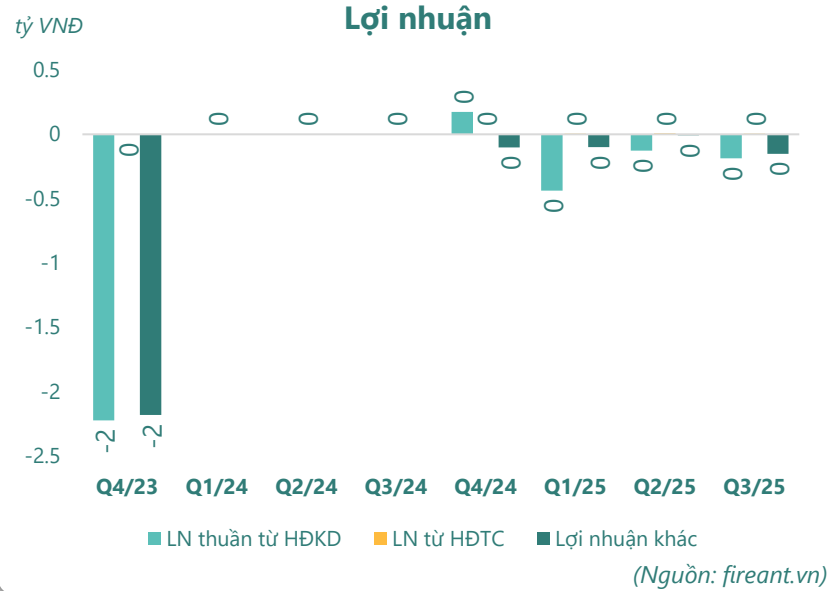
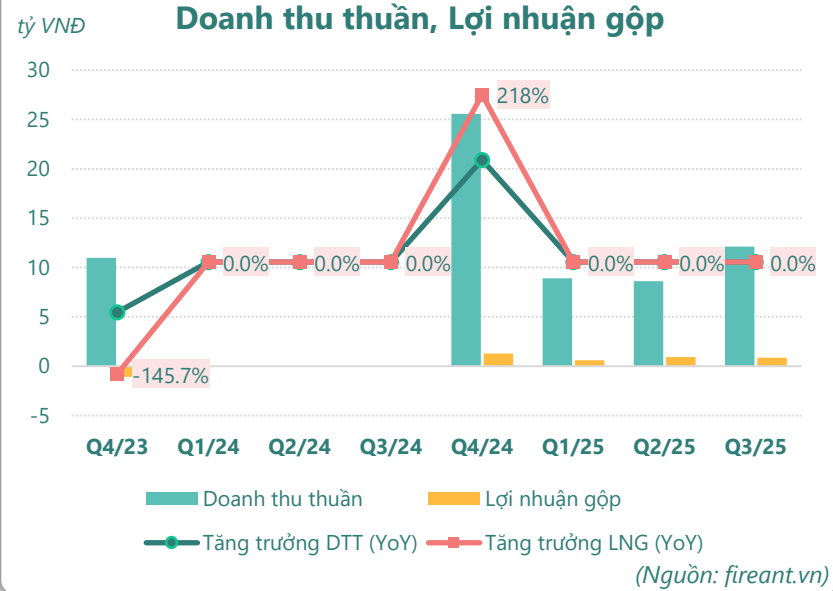
DT thuần 9T 2025
29.6
tỷ VNĐ

LN thuần 9T 2025
-0.75
tỷ VNĐ

LN sau thuế 9T 2025
-1.01
tỷ VNĐ



KẾT QUẢ KINH DOANH

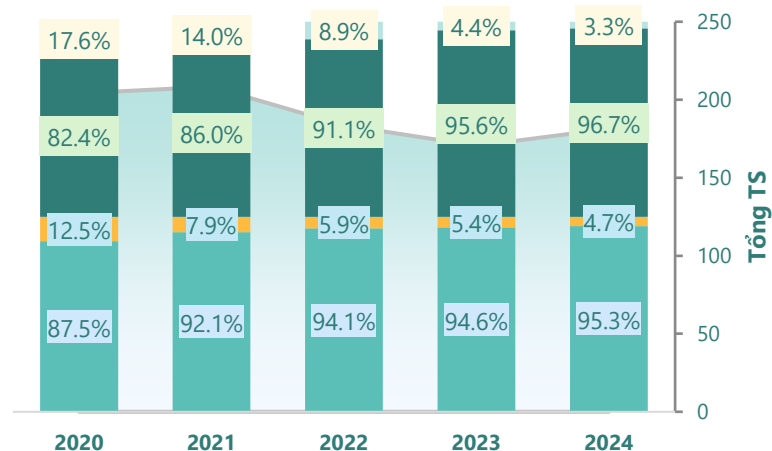




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

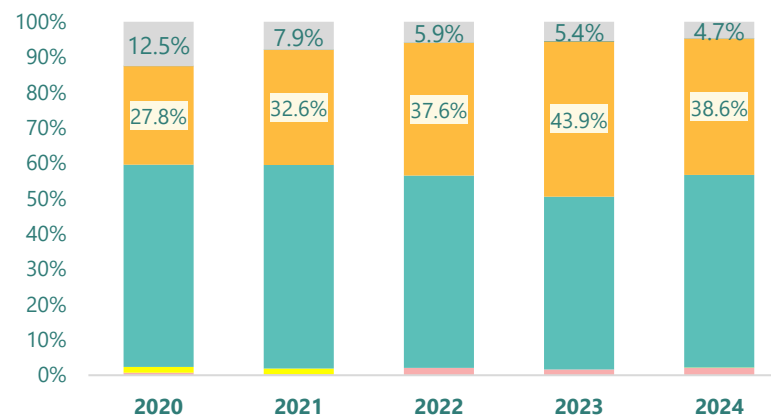
tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

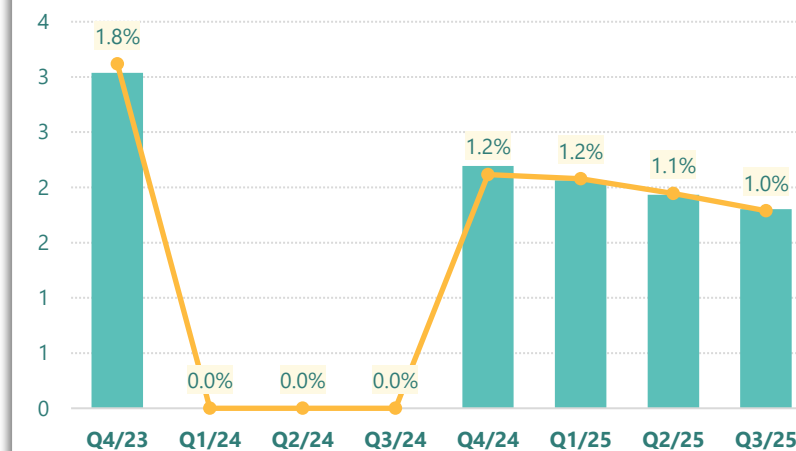


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

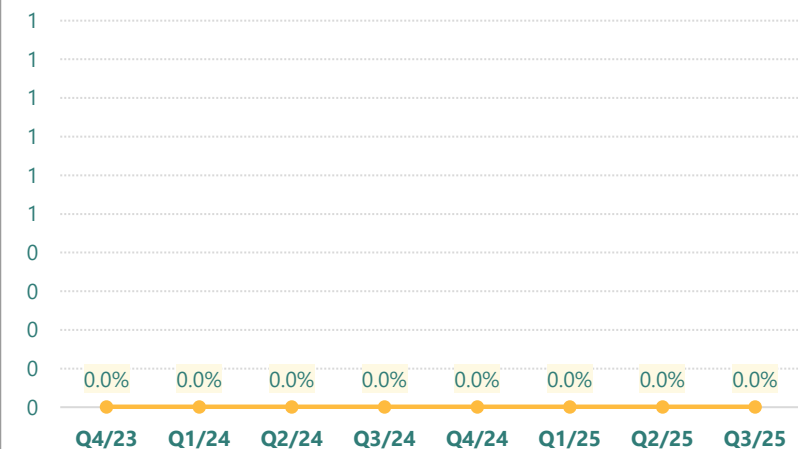


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

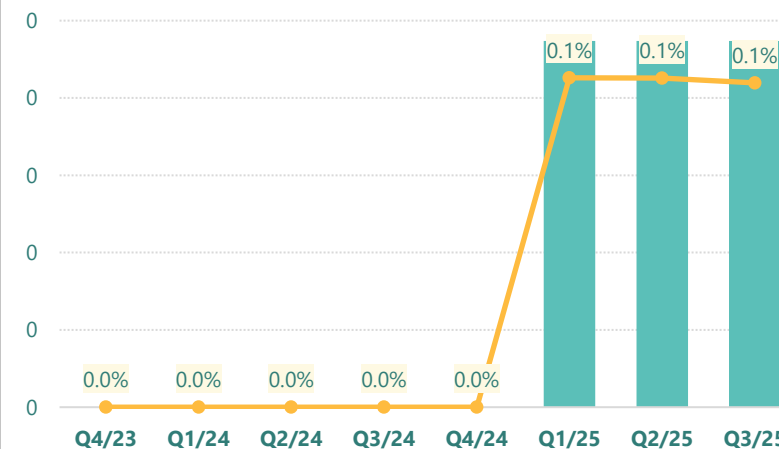


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

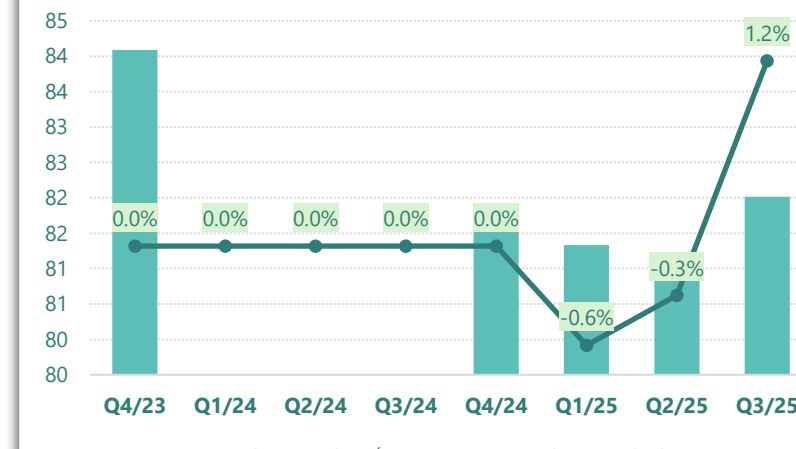


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



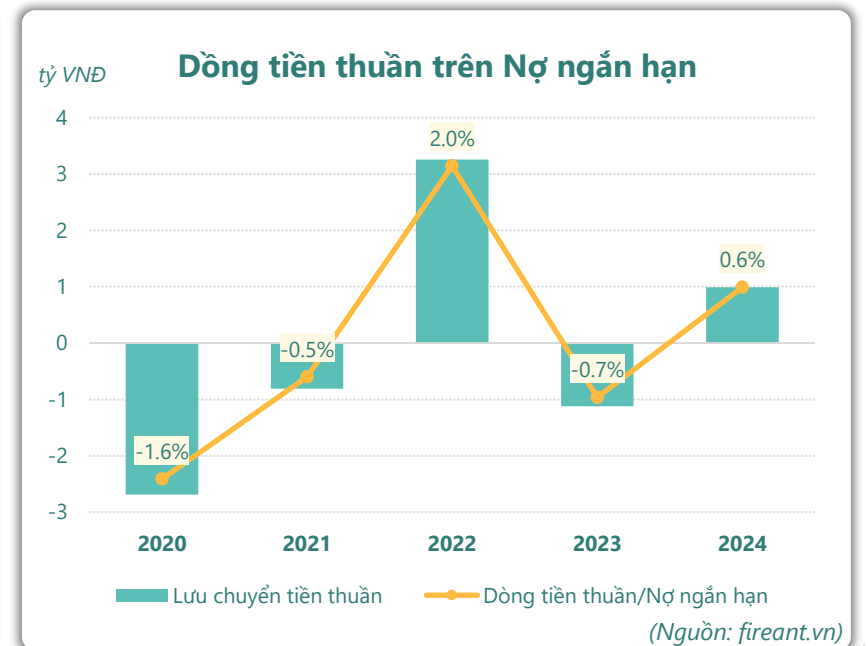
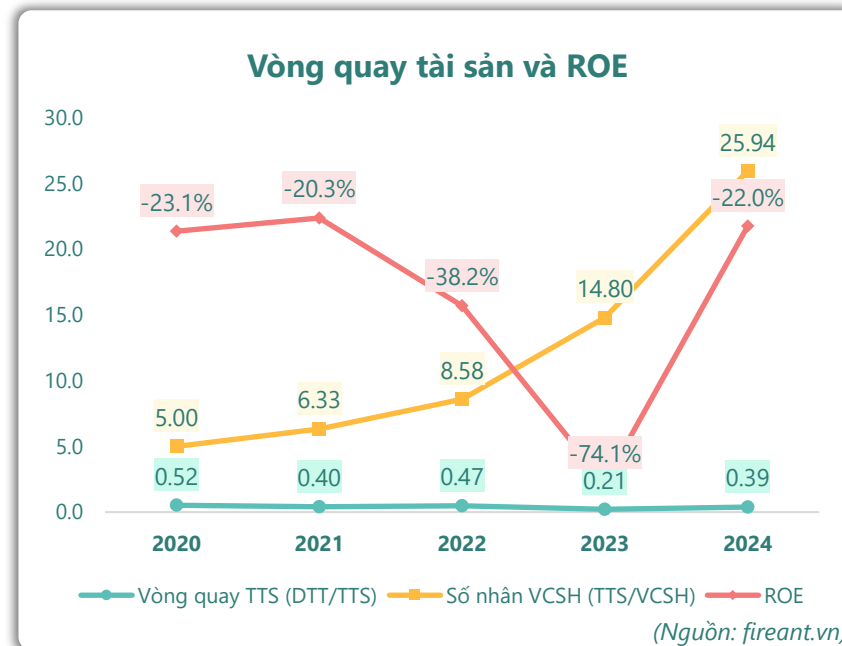
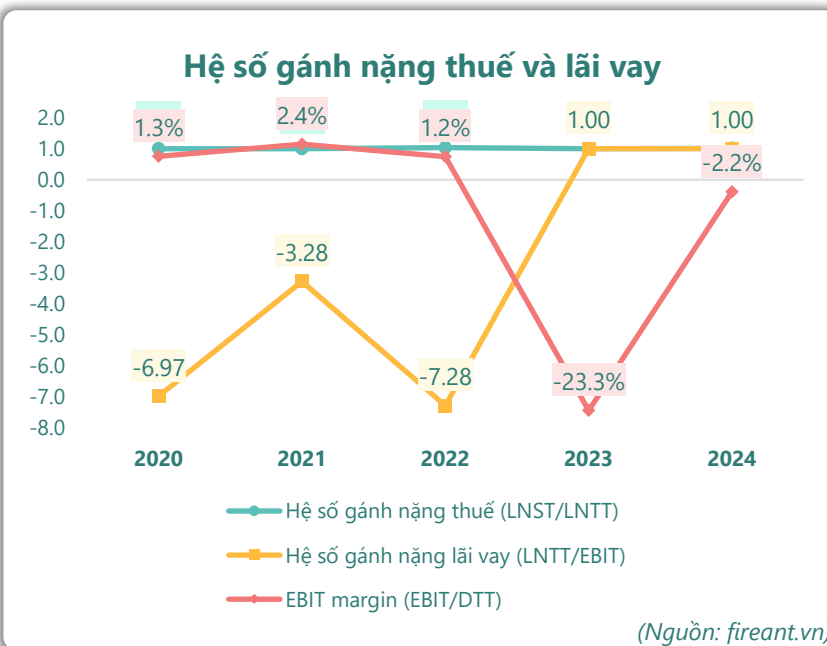
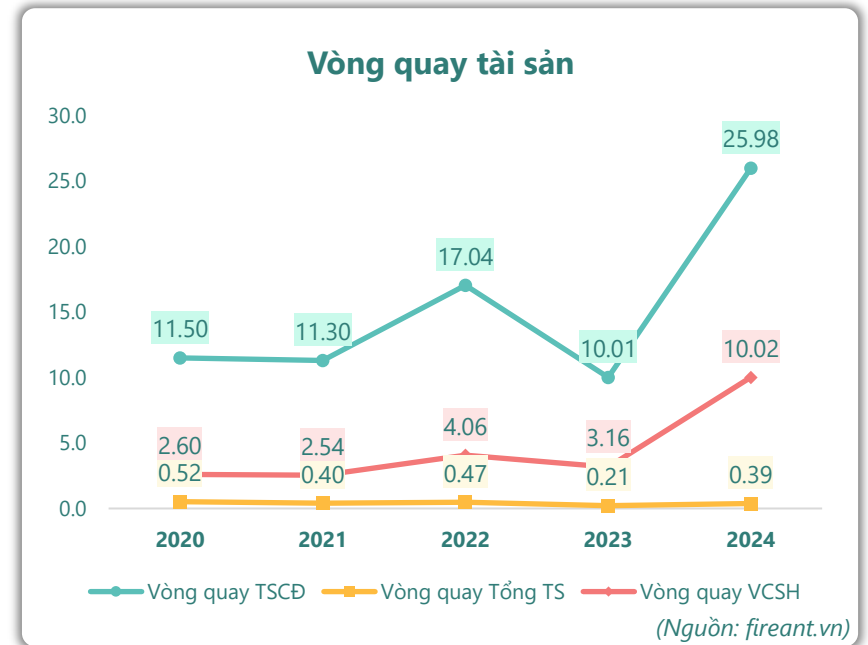
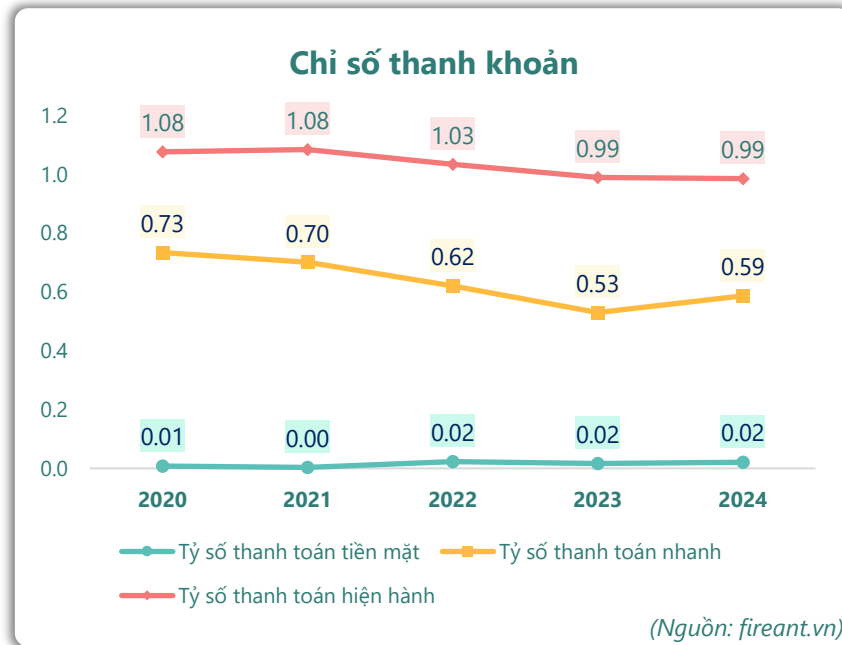
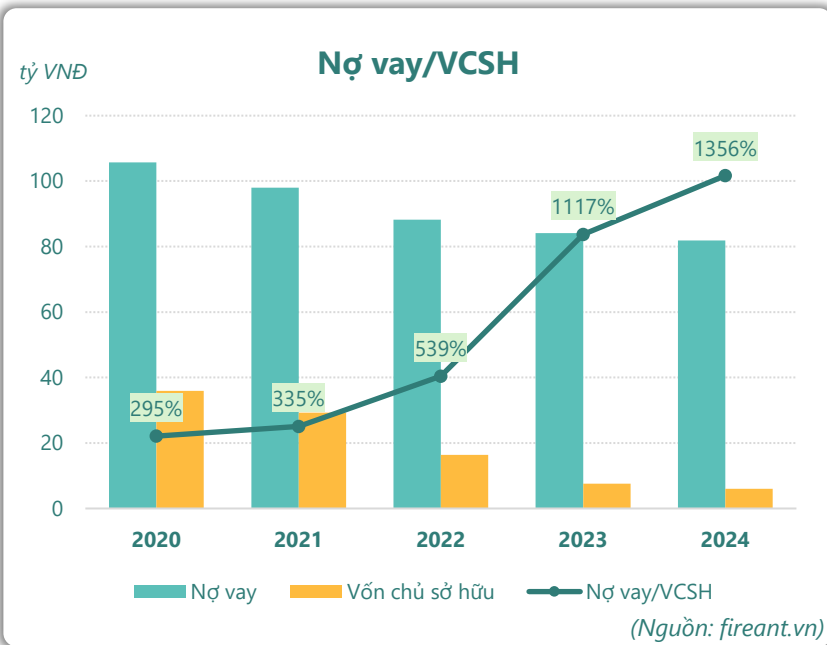
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	12.1			29.6		
Giá vốn hàng bán	11.2			27.2		
Lợi nhuận gộp	0.87			2.40		
Doanh thu HĐTC	0.01			0.02		
Chi phí TC	0			0		
Chi phí lãi vay	0			0		
LN trong công ty LKLD	0			0		
Chi phí bán hàng	0			0		
Chi phí QLDN	1.06			3.17		
LN thuần từ HĐKD	-0.19			-0.75		
Lợi nhuận khác	-0.15			-0.26		
LN trước thuế	-0.34			-1.01		
Lợi nhuận sau thuế	-0.34			-1.01		
LNST của CĐ cty mẹ	-0.34			-1.01		

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0.78	-0.97	-0.62
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	-1.03	0.95	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-0.51	-0.25	0.93
Tiền đầu kỳ	0	0	0	3.71	2.95	2.68
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	-0.75	-0.27	0.32
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	2.95	2.68	3.00

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	177	181	-2.7%
Tài sản ngắn hạn	169	173	-2.3%
Tiền và tương đương tiền	3.00	3.71	-19.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.31	0.31	0.0%
Phải thu ngắn hạn	94.8	98.8	-4.1%
Hàng tồn kho	70.9	70.0	1.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.05	-100%
Tài sản dài hạn	7.60	8.54	-11.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.80	2.19	-17.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.24	0.14	71.4%
Tài sản dài hạn khác	5.56	6.21	-10.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	172	175	-2.2%
Nợ ngắn hạn	172	175	-2.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	82.0	81.8	0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.4	28.5	-25.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	5.03	6.04	-16.7%
Vốn chủ sở hữu	5.03	6.04	-16.7%
Vốn điều lệ	32.7	32.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

